

VinaCert

V01-03

Phiên bản/ Revision: 07

Ngày hiệu lực/ Date of issue: 22/5/2023

QUY ĐỊNH CHUNG VỀ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM HỢP CHUẨN, HỢP QUY/ GENERAL REGULATION ON PRODUCT CERTIFICATION

THEO DÕI HIỆU CHỈNH TÀI LIỆU/ DOCUMENT REVISION LOG

Ngày sửa đổi/ Date of revision	Tóm lược hiệu chỉnh/ Revision summary
02/05/2016	- Ban hành lại
03/05/2017	- Bổ sung quy định đánh giá điều kiện đảm bảo chất lượng và lấy 100% số lượng mẫu sản phẩm khi khách hàng thay đổi địa điểm sản xuất, gia công (điều 10.4) - Bổ sung từ quy chuẩn với đánh giá hợp quy
12/9/2018	Sửa đổi các nội dung sau/ Revise following contents: - 8.1.1: liệt kê chi tiết hồ sơ gửi kèm theo đăng ký chứng nhận sản phẩm/ 8.1.1: list detail the records attached with the application form. - 8.2.3 : bổ sung nội dung "VICB gửi cho khách hàng kế hoạch đánh giá chi tiết, trong đó có bao gồm thông tin về thành phần đoàn đánh giá (Tên, vai trò trong đoàn, email, số điện thoại)" / 8.2.3: add the content VICB send clients audit plan that has information of audit team (auditor name, position, email, phone number) - 8.3.2.1 a: bổ sung nội dung khách hàng có chứng chỉ hệ thống có phạm vi phù hợp với sản phẩm đăng ký chứng nhận/ 8.3.2.1 a: add content clients have management system certificate that the scope is comply with the applying products. - 8.4.1: bổ sung nội dung quy định trong 01 chu kỳ chứng nhận 3 năm, khách hàng sẽ được cấp giấy chứng nhận trong lần chứng nhận đầu tiên. Các sản phẩm có cùng chuẩn mực được khách hàng đăng ký chứng nhận bổ sung/ đề nghị cấp đổi sau đó sẽ được thông báo và cấp Quyết định chứng nhận bổ sung/ cấp đổi mà không cấp thêm Giấy chứng nhận/ 8.4.1: add the content + In a 3-year-certification circle, of a client, VinaCert will issue certificate for only one time at the first certification. Additional/ changed products which are certificated the same standard after that will be issued additional/ changed certification decision, will not be issued any more certificate. - 14. Hồ sơ bổ sung biểu mẫu Giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm nhập khẩu/ 14. Records: add Imported products regulation certification Form.
15/12/2018	Sửa đổi các nội dung sau/ Revise following contents: - 3.3. Thay đổi văn bản QPPL áp dụng cho hoạt động đánh giá chứng nhận sản phẩm theo Phương thức từ Thông tư 55/2012/TT-BNNPTNT sang Thông tư 28/2012/TT-BKHCN/ Clause 3.3 Change of legal documents on the method of certification audit, from Circular 55/2012/TT-BNNPTNT (out of date) to Circular 28/2012/TT-BKHCN. - Lưu đồ chứng nhận: bổ sung một số bước trong hoạt động chứng nhận theo quy trình chứng nhận sản phẩm hiện hành/ Revise and addition some steps in product certification chart followed the current product certification procedure. - 8.3.1.4 Chuyên gia trưởng đoàn hoặc chuyên gia đánh giá, nhân viên PCN được LA ủy quyền thống nhất kế hoạch đánh giá với khách hàng./ Clause 8.3.1.4 Lead auditor or auditor, certification staff who devolved by lead auditor unified the audit plan with client. - 8.3.2.1- Đánh giá điều kiện đảm bảo chất lượng: + Bổ sung nội dung: đánh giá điều kiện đảm bảo chất lượng bao gồm kế hoạch đảm bảo chất lượng, kế hoạch kiểm soát chất lượng và điều kiện sản xuất sản phẩm + Thay đổi thứ tự điểm c thành a, a thành b, b thành c + Bổ sung nội dung quy định đánh giá tại điểm b- đối với trường hợp khách hàng đã được chứng nhận hệ thống ISO 9001, ISO 22000, HACCP, TS 16949 do tổ chức chứng nhận được VICB thừa nhận cấp mà còn hiệu lực từ 12 tháng trở lên. + Trường hợp khách hàng có chứng chỉ từ 12 tháng trở lên nhưng không có bằng chứng duy trì hiệu lực chứng nhận thì đánh giá theo 8.3.3.1.a./ Clause 8.3.2.1- Audit conditions to ensure quality: + Audit conditions to ensure quality includes assessment of assurance plan, quality control plan

	and production conditions + Change order of the points: c to a, a to b, b to c + Addition the contents of assessment provisions for cases where customers have the system in accordance with ISO 9001, ISO 22000, HACCP, TS 16949 been certified by the certification bodies granted by VICB and the certificate has valid for more than 12 months. + If there is evidence that the client does not maintain the validity of the system certificate, the audit activities conditions to ensure quality similar 8.3.2.1.a of this document - Bổ sung bước 8.3.3: hồ sơ chứng nhận được thẩm tra bởi phòng Chứng nhận trước khi trình GĐCN phê duyệt quyết định chứng nhận/ Addition clause 8.3.3: evaluation records are examined by CN before submitting them to the Certification Director for certification decision. - 8.4.2. Thông báo sử dụng dấu chứng nhận được gửi cho khách hàng kèm quyết định chứng nhận/ Clause 8.4.2. Certificate records also include a letter guides for using certification mark. - 13.2: Chi phí phát sinh cho cuộc đánh giá thẩm tra HDKP do khách hàng chi trả cho VICB/ Clause 13.2: All cost for an additional evaluation shall be paid by the client for VICB.
30/10/2021	Sửa đổi các nội dung sau: - Mục 6.2 Sửa nội dung tiếng Anh để thống nhất với nội dung tiếng Việt/ Clause 6.2: Corect the English content to be consistent with Vietnamese content: "Building and announcing on the website http://www.vinacert.vn (regular updated) the list of the products of the organization certified by VinaCert"; - Mục 8.3.2. Đánh giá chính thức: + 8.3.2.1., 8.3.2.1.c Thay cụm từ "điều kiện đảm bảo chất lượng" bằng "quá trình sản xuất"/ "conditions to ensure quality" by "process of production"; + 8.3.2.1.a Bổ sung cụm từ "được chứng nhận"/ certified; + 8.3.2.1.b Hiệu chỉnh lại đoạn "Nếu khách hàng đã có chứng chỉ hệ thống quản lý được chứng nhận: ISO 9001; ISO 22000; TS 16949; TCVN 5603:2008 (CAC/RCP 1-1969, Rev.4-2003 - HACCP) đối với lĩnh vực sản xuất sản phẩm được đánh giá" thành "Nếu khách hàng đã có chứng chỉ hệ thống quản lý được chứng nhận liên quan tới lĩnh vực sản xuất sản phẩm sẽ được đánh giá"/ If the customer has had a certificate of management systems: ISO 9001; ISO 22000; TS 16949; TCVN 5603:2008 (CAC/RCP 1-1969, Rev.4-2003 - HACCP) that has scope complies with the products; + 8.3.2.1.b Hiệu chỉnh lại đoạn "thì điều kiện đảm bảo chất lượng của khách hàng được thừa nhận. Chuyên gia tiến hành: ... Đánh giá yếu tố chính về điều kiện sản xuất sản phẩm chứng nhận" thành "thì quá trình sản xuất của khách hàng có thể được thừa nhận nếu đáp ứng các điều kiện: Có bằng chứng cho thấy hệ thống quản lý được duy trì hiệu lực liên tục; Xem xét các NC, OB và hành động khắc phục, cải tiến được đưa ra trong cuộc đánh giá hệ thống trước đó (nếu có) để quyết định miễn hoàn toàn hay một phần hoạt động đánh giá quá trình sản xuất. / the conditions to ensure quality of clients is recognized. Auditors assess: ... Audit the main processes of production condition" by "; - Mục 9. và Mục 14. Cập nhật bộ dấu hiệu chứng nhận sản phẩm đưa từ V01-09 về V01-03, quy định lại mã của các các thông báo sử dụng dấu chứng nhận tương ứng với các chuẩn mực chứng nhận: từ F01-09-01-Rev 00, 07/2018 thành F01-03-03A-Rev 01, 10/2021 đối với chứng nhận sản phẩm hợp quy; từ F01-09-02-Rev 00, 07/2018 thành F01-03-03B-Rev 01, 10/2021 đối với chứng nhận sản phẩm hợp chuẩn/ Update the certification mark from V01-09 to V01-03, update forms code for notice of use certification mark: change from F01-09-01-Rev 00, 07/2018 to F01-03-03A-Rev 01, 10/2021 for the certification of products in compliance with technical regulations; change from F01-09-02-Rev 00, 07/2018 to F01-03-03B-Rev 01, 10/2021 for the certification of products in compliance with standard. - Mục 4.1 và Mục 14. Cập nhật mã số của các biểu mẫu: BM Quyết định chứng nhận từ F01-03-01-Rev 00, 05/2016 thành F01-03-01A-Rev 01, 10/2021; BM Quyết định đình chỉ hiệu lực chứng nhận từ F01-03-02-Rev 00, 05/2016 thành F01-03-01B-Rev 01, 10/2021; BM Quyết định huỷ bỏ hiệu lực chứng nhận từ F01-03-03-Rev 00, 05/2016 thành F01-03-01C-Rev 01, 10/2021; BM giấy chứng nhận sản phẩm hợp chuẩn từ F01-03-04-Rev 00, 05/2016 thành F01-03-02A; BM giấy chứng nhận sản phẩm hợp quy PT 5 từ F01-03-05-Rev 00, 05/2016 thành F01-03-02B; BM giấy chứng nhận sản phẩm hợp quy nhập khẩu từ F01-03-06-Rev 00, 05/2016 thành F01-03-02C; BM Mẫu giấy chứng nhận sản phẩm hợp chuẩn từ F01-03-04-Rev 00, 05/2016 thành F01-03-02A-Rev 01, 10/2021; BM Mẫu giấy chứng nhận sản phẩm hợp quy PT5 từ F01-03-05-Rev 00, 05/2016 thành F01-03-02B-Rev 01, 10/2021; BM Mẫu giấy chứng nhận sản phẩm hợp quy nhập khẩu từ F01-03-06-Rev 00, 05/2016 thành F01-03-02C-Rev 01, 10/2021;/ Clause 14. Update forms code: Code of Certification decision form changes from F01-03-01-Rev 00, 05/2016 to F01-03-01A-Rev 01, 10/2021; Suspended certification decision form changes from F01-03-02-Rev 00, 05/2016 to F01-03-01B-Rev 01, 10/2021; Withdrawed certification decision form changes from F01-03-03-Rev 00, 05/2016 to F01-03-01C-Rev 01, 10/2021; Certification forms of products in compliance with standard changes from F01-03-04-Rev 00, 05/2016 to F01-03-02A-Rev 01, 10/2021; Certification forms

	of products in compliance with technical regulations (Method 5 th) changes from F01-03-05-Rev 00, 05/2016 to F01-03-02B-Rev 01, 10/2021; Certification forms of imported products in compliance with technical regulations changes from F01-03-06-Rev 00, 05/2016 to F01-03-02C-Rev 01, 10/2021.
14/05/2022	- Viện dẫn việc thực hiện các hồ sơ chứng nhận thực hiện trên phần mềm LIMS ở các bước/ Reference to the implementation of certification records performed on LIMS software at the steps. - Mục 8.4.3: Quy định lưu file scan hồ sơ chứng nhận mà không phải lưu hồ sơ giấy./ To save scanned files of certification documents without having to save paper documents. - Mục 14: Nêu trách nhiệm thanh toán theo hợp đồng ký kết/ payment liability according to the signed contract.
29/11/2022	8.3.2.1 Quy định thêm trường hợp có/chưa có giấy chứng nhận đủ ĐKSX được chấp nhận/ Additional regulations on cases with/without a certificate of production conditions are accepted 12. Quy định lại việc sử dụng dấu chứng nhận hợp quy chỉ gồm dấu CR. Việc sử dụng logo VinaCert, mã số, logo công nhận chỉ áp dụng nếu có thỏa thuận với khách hàng/ Regulating the use of the conformity certification mark only includes the CR mark. The use of VinaCert logo, identification number and accreditation's logo only applies if there is an agreement with the customer.
22/05/2023	-Mục 6.7: Sửa Hội đồng cố vấn thành Hội đồng chứng nhận / Section 6.7: Modify the Advisory Council to the Certification Council -Cập nhật URL cửa sổ đăng ký JAS-ANZ (www.jas-anz.org/register) hiển thị ngay bên dưới biểu tượng tại các dấu hiệu chứng nhận có logo của JAS-ANZ tại mục 12 và các biểu mẫu F01-03-02a, F01-03-03b/ Update The URL for the JAS-ANZ register (www.jas-anz.org/register) must be displayed directly beneath the symbol at section 12 and F01-03-02a, F01-03-03b

Phê duyệt/ Approved by	Hiệu lực/ Validity	Hệ thống / System	Khả thi/ Feasibility
Ngày/ Date	22/5/2023	22/5/2023	22/5/2023
Ký tên/ Signature			
Họ Tên/ Full name	Nguyễn Thị Yến	Đặng Thị Hương	Nguyễn Hoài Thu
Chức danh/ Position	Tổng Giám đốc/ General Director	Giám đốc Chứng nhận/ Certification Director	Trưởng phòng Chứng nhận/ Head of Certification Department

1. Phạm vi áp dụng: Tài liệu này quy định một số nguyên tắc cơ bản phù hợp với yêu cầu của ISO/IEC 17065:2012 mà Công ty cổ phần Chứng nhận và Giám định VinaCert (VICB) áp dụng trong quá trình đánh giá, chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn và các qui chuẩn kỹ thuật thuộc các lĩnh vực: nông nghiệp, thực phẩm, điện, điện tử, cơ khí, máy móc, hóa chất, vật liệu xây dựng, hàng tiêu dùng, đồ đạc gia dụng, sản phẩm dầu khí... Quy định này được áp dụng theo các quy định chung về chứng nhận nêu trong V01-02 Quy định chung về chứng nhận HTQL. Tài liệu này được cung cấp cho các khách hàng của VICB.	1. Scope: This document defines a number of basis principles in accordance with the requirements of ISO/IEC 17065:2012 which VinaCert Certification and inspection JSC (VICB) applied in the evaluation process, product certification compliance standard and technical regulation belong to the fields: agricultural, food, electric, mechanical, machine, chemical, building materials, consumer goods, household goods, petroleum products... This regulation is applied according to the general regulations on certification mentioned in V01-02 General regulations on certification of management systems. This document is provided for clients of VICB.
2. Thuật ngữ, định nghĩa: 2.1 Khách hàng: Tổ chức/cá nhân đề nghị VICB chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn; 2.2 Chứng nhận: Sự đánh giá xác nhận của VICB đối với sản phẩm của khách hàng phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn tương ứng; 2.3 Tiêu chuẩn, quy chuẩn về sản phẩm: Các sản phẩm dựa trên các quy chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn quốc tế, các tiêu chuẩn quốc gia hoặc tiêu chuẩn hiệp hội/cơ quan được thừa nhận; 2.4 Đoàn đánh giá: Một hay nhiều chuyên gia đánh giá tiến hành cuộc đánh giá được sự hỗ trợ, nếu cần thiết, của các chuyên gia kỹ thuật (bao gồm cả người lấy mẫu); 2.5 Chuyên gia đánh giá (CGĐG): Người có năng lực để tiến hành một cuộc đánh giá; 2.6 Chuyên gia kỹ thuật (CGKT): Người cung cấp các kiến thức hay kinh nghiệm chuyên môn cụ thể cho đoàn đánh giá. 2.7. LIMS: Phần mềm quản lý của VinaCert.	2. Terms, difinitions: 2.1 Clients: Organizations/ individuals applying VICB product certification compliance with standard, technical regulation; 2.2 Certification: Confirmation audit of VICB for customer's products in accordance with relevant standards, technical regulation; 2.3 Standard, technical regulation of products: The product based on National technical regulation, international, natinonal standards or standard of association/organization is recognized; 2.4 Audit team: One or more auditors conducting audits is supported, if necessary,technical experts (including the sample); 2.5 Auditors: The person has the capacity to conduct an assessment; 2.6 Technical expert: The provision of specific knowledge or expertise to audit team. 2.7: VinaCert's management software.
3. Chuẩn mực chứng nhận: 3.1. VICB đánh giá chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn/ quy chuẩn dựa trên các Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN), tiêu chuẩn quốc tế (ISO, IEC, ASTM, JIS, ...), tiêu chuẩn nước ngoài tùy thuộc yêu cầu của khách hàng đăng ký chứng nhận. 3.2. Khi có sự thay đổi hoặc bổ sung của các tiêu chuẩn/quy chuẩn đã chứng nhận, VICB thông báo cho khách hàng về những chuẩn mực chứng nhận mới. 3.3. Hoạt động chứng nhận sản phẩm của VICB phù hợp với quy định về chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy và công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy (Ban hành kèm theo Thông tư 28/2012/TT - BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ	3. Certification standards: 3.1 VICB conduct product certification and evaluation compliance with standards/ technical regulation based on national standards (TCVN), National technical regulation (QCVN), international standard (ISO, IEC, ASTM, JIS, ...) or foreignn standards depending on customer requirements of the certificated registration. 3.2 When there are changes or additions of certified standards/ technical regulation, VICB inform clients about the new certification standards. 3.3 Product certification activities of VICB in accordance with the regulations on standard certification, regulation certification and standard, regulation proclaim (Issued together with Circular No 28/2012/TT-BKHCN on 12th December 2012 of the

trường Bộ Khoa học & Công nghệ và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012).	Minister of Science and Technology and Circular No 02/2017/TT-BKHCN on 31st July 2017 of the Minister of Science and Technology amending and supplementing a number of articles Circular No 28/2012/TT-BKHCN on 12th December 2012).
4. Nguyên tắc hoạt động của VICB:	4. Activities principles of VICB
Đảm bảo sự nhất quán, khách quan, công bằng, không thiên vị, công khai trong hoạt động đánh giá chứng nhận sản phẩm, bảo mật các thông tin của khách hàng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động của mình. VICB đảm bảo tạo điều kiện cho tất cả các bên đăng ký chứng nhận hoạt động thuộc lĩnh vực chứng nhận đã công bố của VICB được tiếp cận với các dịch vụ của VICB và sẽ không đưa ra các điều kiện tài chính, hoặc các điều kiện khác một cách phi lý. Sự tiếp cận không phụ thuộc vào quy mô của tổ chức được chứng nhận hoặc quy chế thành viên của bất kỳ hiệp hội hoặc tập đoàn nào.	To ensure consistency, objectivity, fairness, impartiality, openness in the product certification assessment activities, confidentiality of customer's information and responsibility before law for their activities. VICB ensures to create favorable condition for all applicants whose activities belong to published field of certification of VICB to access all services of VICB and not to give financial conditions or other conditions irrationally. The access to the services will not depend on size of applicant or membership regulation of any association.
5. Trách nhiệm của khách hàng:	5. Responsibility of clients
5.1 Tạo điều kiện để Chuyên gia đánh giá của VICB tiếp cận tất cả các điểm được đánh giá trong điều kiện làm việc bình thường và cung cấp những thông tin cần thiết cho VICB để hoàn thiện quá trình đánh giá; 5.2 Cử người đại diện chịu trách nhiệm liên lạc với VICB. Bố trí người dẫn đường thông thạo địa hình và am hiểu những quy định về an toàn lao động của khách hàng cho đoàn đánh giá; 5.3 Sử dụng Logo/dấu chứng nhận của VICB theo đúng quy định tại Mục 12 của Quy định này và cam kết không gây bất kỳ sự sai lệch nào về chứng nhận. Khi thay đổi phạm vi được chứng nhận, mọi vật liệu quảng cáo đều phải thay đổi theo; 5.4 Không sử dụng chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn/quy chuẩn cho các hoạt động ngoài phạm vi chứng nhận và không sử dụng chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn/quy chuẩn trong các hoạt động mang tiếng xấu cho VICB; 5.5 Thực hiện đầy đủ các quy định của VICB, đặc biệt về việc duy trì chứng nhận, chấp nhận quyết định đình chỉ hoặc thu hồi chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn/quy chuẩn của VICB; 5.6 Thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong hợp đồng đã ký với VICB; 5.7. Lưu giữ hồ sơ các khiếu nại do người sử dụng sản phẩm của khách hàng liên quan đến việc tuân thủ các yêu cầu của tiêu chuẩn/quy chuẩn đối với sản phẩm phù hợp mà VICB đã chứng nhận, đảm bảo rằng các hồ sơ này luôn sẵn có để VICB sử dụng khi có yêu cầu; đồng thời lưu lại các bằng chứng về các hành động thích hợp liên quan đến hoạt động giải quyết	5.1. Facilitating auditors of VICB to access to all points evaluated in normal working conditions and providing necessary information for the VICB to complete the evaluation process; 5.2. Appoint a representative who is responsible for communicate with VinaCert. Appoint a pilot who knows clearly about terrain and understanding regulations on labor safety of client for audit team; 5.3. Use certification logo/mark of VICB in accordance with the provisions stated in section 12 of this Regulation and commit to not cause any misleading statements; When changing in the certificated scope, all advertising materials must be changed; 5.4. Do not use certificate for other purposes out of the certification scope and do not use certificate in activities negatively affecting VICB's reputation; 5.5. To fully comply with provisions specified by VICB, especially on the maintenance certification, acceptance the condition of certificate suspension or withdrawal of VinaCert. 5.6. To fully implement all responsibilities in contract signed with VICB; 5.7. Keep records of complaints by users of customer's product related to compliance with the requirements of standards/technical regulation for products that VICB has certificated and to make these records available to VICB when requested; and at the same time save the evidence of appropriate action related to complaint resolution activities; 5.8. Always satisfy the certification requirements, including implementing appropriate changes when

khiếu nại đó; 5.8 Luôn thực hiện các yêu cầu chứng nhận, bao gồm cả các thay đổi thích hợp khi VICB yêu cầu. Thực hiện hành động thích hợp liên quan đến những khiếu nại đó và mọi khiếm khuyết phát hiện thấy ở sản phẩm hoặc dịch vụ làm ảnh hưởng tới việc tuân thủ các yêu cầu chứng nhận. Khách hàng phải lập văn bản đối với các hành động đã thực hiện.	required by VICB. Take appropriate action with respect to such complaints and any deficiencies found in products or services that affect compliance with the requirements for certification; The customer shall document the actions taken.
6. VICB Cam kết:	6. VICB commitment
6.1 Thực hiện việc đánh giá, chứng nhận theo đúng yêu cầu của ISO/IEC 17065:2012; 6.2 Xây dựng và thông báo trên website http://www.vinacert.vn (thường xuyên) danh mục các sản phẩm của tổ chức được VICB chứng nhận; 6.3 Bảo mật các thông tin liên quan đến Khách hàng trừ những thông tin đã công bố ở phần 6.2 và 11.4; 6.4 Thông báo cho khách hàng những ý kiến phản hồi mà VICB nhận được liên quan đến chất lượng sản phẩm, dịch vụ của khách hàng; 6.5 Tuân thủ các nội quy, quy định của khách hàng tại điểm đánh giá; 6.6 Thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong hợp đồng đã ký với khách hàng; 6.7 Đảm bảo sự độc lập khách quan, không thiên vị và công khai: • Thông qua chính sách sử dụng CGĐG của mình, thành viên trong đoàn đánh giá phải: - Không có mối quan hệ về tài chính với khách hàng; - Không có mối quan hệ gia đình với các lãnh đạo chủ chốt của khách hàng; - Không tư vấn Sản phẩm cho khách hàng. • Thông qua hoạt động của Hội đồng chứng nhận. Các thành viên trong Hội đồng chứng nhận phải đảm bảo: - Đại diện được lợi ích cho tất cả các bên; - Không chịu các áp lực về tài chính; công việc; tình cảm trong các quyết định của mình; - Am hiểu luật pháp. • Thông qua hoạt động của các phòng thử nghiệm cam kết độc lập, bảo mật, khách quan; • Cung cấp cho khách hàng các thông tin về chuẩn mực chứng nhận, quy định về đánh giá và chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn/quy chuẩn, thủ tục cấp, duy trì, đình chỉ hoặc thu hồi chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn phù hợp tiêu chuẩn/quy chuẩn và các quy định về sử dụng dấu chứng nhận, phí đánh giá chứng nhận. • Lập danh mục các tổ chức, cá nhân có liên quan tới hoạt động đánh giá chứng nhận của	6.1. To perform the evaluation and certification as required by ISO/IEC 17065:2012; 6.2. Building and announcing on the website http://www.vinacert.vn (regularly updated) the list of the products of the organization certified by VinaCert. 6.3. Confidentiality of information relating to clients except of the published information in section 6.2 and 11.4; 6.4. Inform clients of feedback received by VICB regarding to quality of services and products, procedure or QMS of the clients. 6.5. Compliance with the rules and regulations of the clients in the evaluation; 6.6. To fully comply with regulations and rules of the clients on site audited. 6.7. Ensure the independence, objectivity, impartiality, openness: • Thought the policies of using auditors of VICB. Members in audit team shall: - have no financial relationship with clients; - have no family relationship with key leaders of clients - not provide consultant product service for clients; • VinaCert ensure the independence, objectivity, impartiality, openness in decision on certification through activities of Certification Council. Members of Certification Council shall ensure: - Represent benefits for all parties; - not take the pressure of finance, work, emotion in their decisions; - Understand the law. • through the activities of Laboratories which commit to ensure the independence, impartiality and the confidential • VinaCert ensures to provide clients with information on certification criteria, procedures of issuance, maintenance, expansion, suspension or withdrawal of certificate and regulations on using logo, certification mark, fee of certification. • Provide for customer information about

VICB tiềm ẩn những mối nguy dẫn đến sự không công bằng và biện pháp phòng ngừa nhằm đảm bảo tính công bằng trong hoạt động đánh giá của VICB; • Tạo điều kiện thuận lợi để khách hàng của VICB có điều kiện tham gia quyết định lựa chọn thành phần đoàn đánh giá nếu khách hàng nhận thấy tiềm ẩn sự không công bằng trong hoạt động đánh giá chứng nhận của VICB bởi thành phần đoàn đánh giá. • Xây dựng cơ chế giám sát trong quá trình đánh giá nhằm đảm bảo tính công bằng, VICB kiên quyết không sử dụng chuyên gia đánh giá không khai báo rõ ràng quan hệ của mình với khách hàng. • VICB không tham gia thiết kế, phát triển, cài đặt, duy trì, vận hành, cung cấp các sản phẩm/dịch vụ/quá trình được VICB chứng nhận. • VICB sẽ thông báo kịp thời về bất cứ sự thay đổi nào trong các yêu cầu chứng nhận cho khách hàng, xem xét quan điểm của các bên liên quan, công bố công khai các thay đổi về yêu cầu và kiểm tra xác nhận việc thực hiện những điều chỉnh cần thiết của các tổ chức được chứng nhận trong khoảng thời gian mà tổ chức chứng nhận cho là phù hợp. • VICB cung cấp dịch vụ chứng nhận cho khách hàng không dựa trên quy mô của khách hàng (to hay nhỏ, ít hay nhiều nhân viên, ít hay nhiều loại sản phẩm...); Dịch vụ chứng nhận của VICB cũng không phụ thuộc việc khách hàng có phải là thành viên của các hiệp hội, nhóm; việc chứng nhận cho khách hàng cũng không phụ thuộc vào số lượng chứng chứng chỉ mà VICB đã cấp. VICB cũng không đưa ra các đòi hỏi quá đáng về tài chính và các điều kiện khác so với các điều kiện trong các quy định, thủ tục của VICB và các yêu cầu của các tiêu chuẩn/ quy chuẩn áp dụng cho việc chứng nhận. 6.8 VinaCert cam kết chỉ đánh giá, thẩm xét, quyết định và giám sát ở những vấn đề liên quan cụ thể đến phạm vi khách hàng đăng ký chứng nhận.	certification standard, product certification and evaluation regulation; certification maintain, suspend or withdraw procedure compliance with standard and regulations about use logo, evaluation and certification fee; • VinaCert make a list of organizations, individuals relating to certification activity of VinaCert who have potential hazards leading to unfairness and preventive measures to ensure fairness in the assessment of VICB; • VinaCert creates favorable conditions for the clients to be able to participate in making decision on selecting members of audit team if the clients realize that there are potential risks leading to unfairness caused by the audit team. • VinaCert builds monitoring mechanism in audit process to ensure fairness; VICB determines not to use auditors that do not explicitly declare their relationship with clients. • VICB will not take part in the designing, manufacturing, installing, distributing or maintaining certified products • VICB shall give due notice of any changes it intends to make in its requirements for certification; take account of views expressed by interested parties; publicize changes in requirements and verify that each organization carries out any necessary adjustments to its procedures within an appropriate timeframe. • VICB offers certification services to clients without relying on the size of the client (big or small, few or many employees, few or many (lines of) products...); VICB's certification services do not depend on whether the client is a member of any group, association. VICB's certification services will not also depend on how many certificates VICB has issued at the time review contract with the client. VICB shall not make any unfair financial requirement to the client and its services will based solely on its documented procedures, regulations and requirements in the applicable standard(s)/technical regulation. 6.8 VinaCert commitment they only audit, verify, decision and monitoring for the scope applicated.
7. Hiệu lực của chứng nhận 7.1 VICB cấp chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn/quy chuẩn cho các sản phẩm của khách hàng đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của tiêu chuẩn/quy chuẩn mà khách hàng đăng ký chứng nhận. 7.2 Hiệu lực cho tất cả các chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn/quy chuẩn trong 1 chu kỳ hoàn chỉnh là 3 năm kể từ ngày hiệu lực. Trong thời gian chứng	7. The validity of certificate 7.1. VICB conducting certification appropriate standards/ technical regulation for clients's product when meet fully requirements of standards/ technical regulation that customer registration certificate. 7.2. The validity of all certification in one completed certification cycle is 3 years from effective date.

nhận có hiệu lực, VICB tiến hành đánh giá giám sát sản phẩm đã được chứng nhận bằng cách: đánh giá quá trình sản xuất/điều kiện đảm bảo chất lượng và lấy mẫu thử nghiệm tại nơi sản xuất (trên dây chuyền sản xuất, trong kho) hoặc trên thị trường để khẳng định chất lượng sản phẩm luôn được duy trì, phù hợp với tiêu chuẩn tương ứng. Tùy thuộc vào bản chất của sản phẩm và hệ thống quản lý mà khách hàng đã thiết lập, VICB thỏa thuận chu kỳ đánh giá giám sát chất lượng sản phẩm. Chu kỳ đánh giá giám sát không ngắn hơn 6 tháng và không quá 12 tháng.	During the validity of certificate, VICB conducting product monitoring audits of products that have been certified by: Assessment for the production process/ Conditions to ensure quality and taking samples for testing at the production site (on production lines, in warehouses) or on the market to confirm the product quality are maintained in accordance with relevant standards. Depending on products and management system that the customer has established, VICB will agreement product quality surveillance cycle. Surveillance cycle is not shorter than 6 months and is not more than 12 months.
8. Đánh giá chứng nhận sản phẩm	8. Product certification assessment

LƯU ĐỒ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM

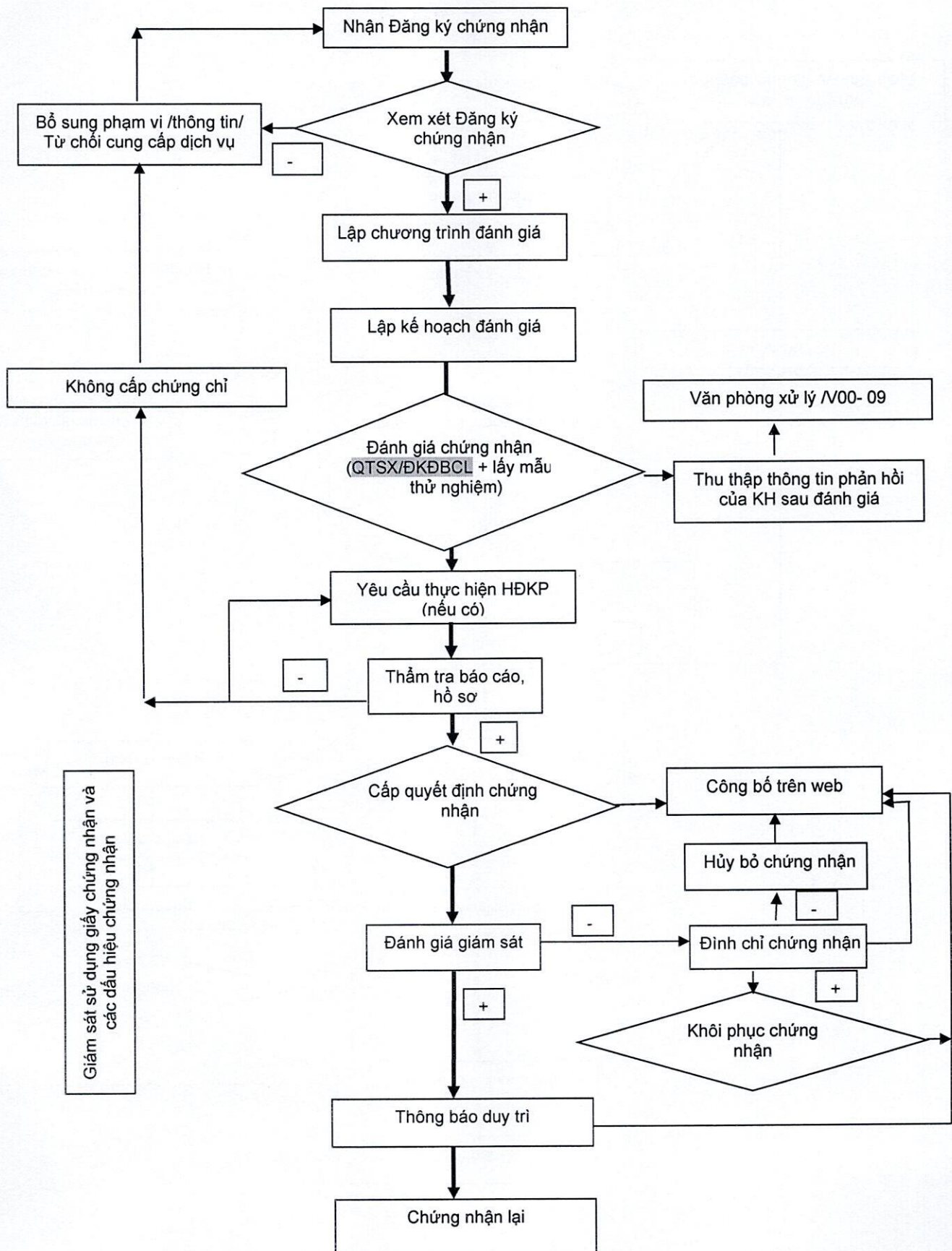
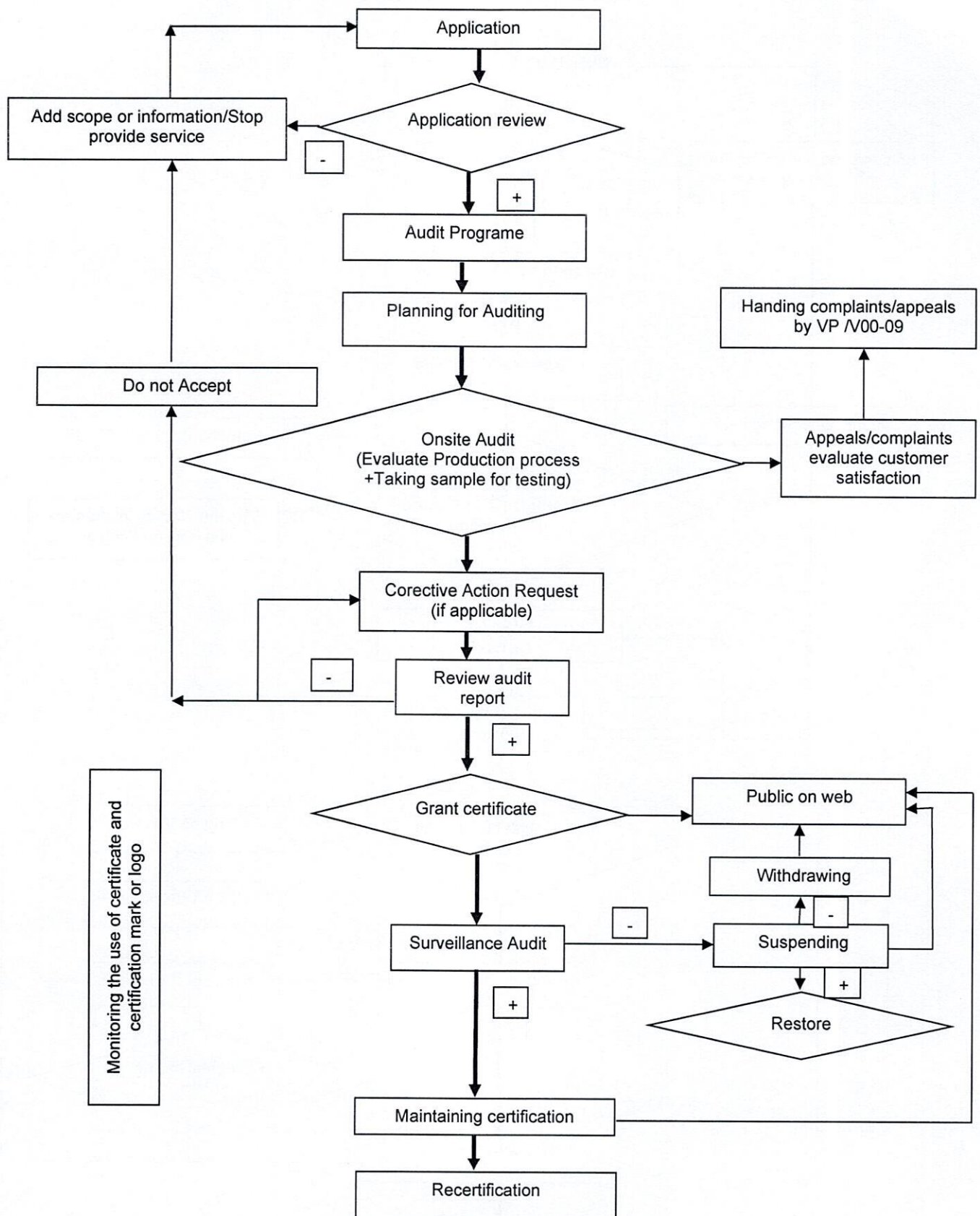


CHART OF PRODUCT CERTIFICATION PROCESS



8.1 Đăng ký chứng nhận và xem xét Đăng ký chứng nhận	8.1 Application and Application review
8.1.1 VICB thỏa thuận với khách hàng về hợp đồng đánh giá chứng nhận. 8.1.2 Khách hàng cần điền đầy đủ các thông tin theo mẫu “đăng ký chứng nhận” (F00-13-01 đối với chứng nhận sản phẩm nói chung gửi kèm theo: - Sơ đồ tổ chức của công ty/doanh nghiệp; Bản sao đăng ký kinh doanh; Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất (thuốc BVTV/ phân bón ...). - Tiêu chuẩn cơ sở; Giấy chứng nhận đăng ký/quyết định lưu hành (thuốc BVTV/ phân bón...). - Kế hoạch chất lượng hoặc bản sao chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng, an toàn của sản phẩm liên quan đến lĩnh vực sản xuất sản phẩm sẽ được đánh giá; - Đối với trường hợp khách hàng thuê cơ sở khác gia công sản phẩm, hồ sơ cần bổ sung thêm: + Bản sao giấy Đăng ký kinh doanh của cơ sở thực hiện gia công cho khách hàng; + Hợp đồng thuê gia công giữa hai bên có đầy đủ số và ngày ký. Khách hàng thực hiện đăng ký chứng nhận trên phần mềm quản lý LIMS. 8.1.3 VICB tiến hành khảo sát sơ bộ khi cần thiết. Các tài liệu quy định được phát triển, có hiệu lực và duy trì. Các bên có liên quan như nhà cung cấp, quản lý và người sử dụng sản phẩm cung cấp đầu vào kỹ thuật cho các tài liệu. Thời hạn hiệu lực của tài liệu phù hợp với đặc điểm của sản phẩm đăng ký chứng nhận. Xem xét đăng ký chứng nhận VinaCert thực hiện xem xét đăng ký chứng nhận và thông báo kết quả xem xét cho KH thông qua email/LIMS.	8.1.1 VICB makes agreement with the client on a certification contract. 8.1.2 Customer is required to complete “application form for product certification” (F00-13-01 for general product certification attach to: – Organizational chart of the company/ enterprise; Business registration certificate; certificate of eligibility for production pesticides/ fertilizers. – The technical documentation of product, production plan; registration certificate for the pesticides/ fertilizers. – The measurement and testing control plan; Quality control plan or certificate of quality or safety management system for products that related to the field of product is audited. – To clients who have outsourcing manufacturers produce products applying certification shall supply documents: + Business registration certificate of the outsourcing manufacturers + Contract between the clients with their outsourcing manufacturers. Customers register for. certification on LIMS . management software. 8.1.3 VICB conducting preliminary survey when necessary; Normative documents shall be developed, validated and maintained. Interested parties such as suppliers, regulators and users of the product shall have technical input into the documents. Validation shall be consistent with the characteristics of the product to be certified. Application review VinaCert performs certification application review and notify the review results to customers via email/LIMS.
8.2 Lập chương trình đánh giá và chuẩn bị đánh giá	8.2 Audit programme and planning audits
8.2.1 Khi khách hàng đã sẵn sàng cho việc đánh giá chứng nhận, VICB lập chương trình đánh giá gồm trưởng đoàn và thành viên khác khi cần thiết. 8.2.2 Chuyên gia đánh giá được lựa chọn trên cơ sở có đủ năng lực phù hợp với lĩnh vực được đánh giá và đảm bảo tính khách quan của việc đánh giá. Trường hợp VICB không chỉ định được CGĐG có đủ chuyên môn phù hợp với lĩnh vực được đánh giá thì VICB sẽ mời CGKT phù hợp tham gia đoàn đánh giá. Chương trình đánh giá được lập trên LIMS. 8.2.3 VICB gửi cho khách hàng kế hoạch đánh giá chi tiết, trong đó có bao gồm thông tin về thành	8.2.1 When customer are ready for the evaluation and certification, VICB will make the audit programme includes team leader and other members when necessary. 8.2.2 The auditor is selected on the basis of qualified in accordance with the assessment area and ensures the objectivity. Where VICB do not specified auditor have been qualified in accordance with the assessment area that VICB will invite suitable technical expert join audit team. The audit programme is made on LIMS software. 8.2.3 VICB send audit plan to the clients, includes information of audit team (name, position in audit team,

phần đoàn đánh giá (Tên, vai trò trong đoàn, email, số điện thoại). Nếu khách hàng nhận thấy đoàn đánh giá không đảm bảo tính khách quan thì khách hàng có thể đề nghị và VICB sẽ xem xét thay đổi thành phần đoàn đánh giá. Kế hoạch đánh giá được lập trên phần mềm LIMS và thông báo qua email/LIMS cho KH.	email, phone number). If clients feel audit team do not ensure objectivity, the customer may be request and VICB will review changing the composition of audit team. The audit plan is made on LIMS software and inform to the customer via email/LIMS.
8.3 Đánh giá 8.3.1. Đánh giá hồ sơ	8.3 Audit 8.3.1 Records audit
8.3.1.1 Chuyên gia đánh giá tiến hành đánh giá sự phù hợp của hồ sơ đăng ký chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn theo quy trình V00-13. 8.3.1.2 Khi cần thiết, phòng chứng nhận hướng dẫn khách hàng bổ sung, hoàn thiện hồ sơ qua LIMS. 8.3.1.3 Chuyên gia trưởng đoàn hoặc chuyên gia đánh giá, nhân viên Phòng chứng nhận thông báo kết quả đánh giá hồ sơ tới khách hàng qua LIMS/email.	8.3.1.1 Auditor conducting assess the appropriateness of product certificate registration records under process V00-13. 8.3.1.2 When necessary, Certification Derpatment guide clients to complete, addition record via LIMS. 8.3.1.3 Lead auditor or auditor/certification staff notifies the results of the record audit to customers via LIMS/email.
8.3.2. Đánh giá chính thức 8.3.2.1. Đánh giá quá trình sản xuất: bao gồm kế hoạch đảm bảo chất lượng, kế hoạch kiểm soát chất lượng và điều kiện sản xuất sản phẩm	8.3.2. Formal audit 8.3.2.1. Audit production process includes assessment of assurance plan, quality control plan and production conditions
a. Trường hợp khách hàng chưa có hệ thống quản lý được chứng nhận/Giấy chứng nhận đủ ĐKSX được chấp nhận: Nếu khách hàng chưa có chứng chỉ hệ thống quản lý tương ứng với lĩnh vực sản phẩm (phạm vi của chứng chỉ phải phù hợp với từng lĩnh vực tương ứng với phạm vi chứng nhận), Chuyên gia đánh giá đánh giá quá trình sản xuất bao gồm: – Xem xét hồ sơ kỹ thuật của sản phẩm (tài liệu thiết kế, tiêu chuẩn kỹ thuật của sản phẩm); – Xem xét hồ sơ toàn bộ quá trình sản xuất từ đầu vào, qua các giai đoạn trung gian cho đến khi hình thành sản phẩm bao gồm cả quá trình bao gói, xếp dỡ, lưu kho và vận chuyển sản phẩm; – Xem xét hồ sơ chất lượng nguyên vật liệu, bán thành phẩm và thành phẩm; – Xem xét hồ sơ trang thiết bị công nghệ và trang thiết bị đo lường, kiểm tra, thử nghiệm; – Xem xét hồ sơ trình độ tay nghề công nhân và cán bộ kỹ thuật; – Kiểm tra kế hoạch đảm bảo chất lượng, mỗi sản phẩm có một kế hoạch đảm bảo chất lượng; Trong một số trường hợp tùy thuộc quy định của pháp luật hiện hành, nếu cơ sở sản xuất chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất còn hiệu lực thì phải đánh giá quá trình sản xuất.	a) Where customer haven't been certified management system/ Certificated of production conditions: If the customers haven't been certificates of management system corresponds to the domain of the product type (the scope of the certificate must be relevant to each area corresponding to the scope of certification), The auditor team evaluates the process of production including: – Review/Audit the techinal record of product (design documents, technical standard of product); – Review/Audit the whole record of production process from input, through the intermediate stage until product including packaging, handling, storage and transportation of products; – Review/Audit quality record of raw materials, semi-finished and finished products; – Review/Audit technology equipment and measurement, inspection, testing equipment record; – Review/Audit skill of workers and technical of staff records – Check the quality assurance plan, each product has a quality assurance plan; In some cases, subject to the provisions of current law, if a production facility that has not been granted a valid Certificate of eligibility for production by a competent authority is required to evaluate the production process.

b. Trường hợp khách hàng đã có hệ thống quản lý được chứng nhận/ Giấy chứng nhận đủ ĐKSX được chấp nhận :

Trường hợp khách hàng đã có chứng chỉ hệ thống quản lý được chứng nhận có phạm vi tương ứng với lĩnh vực sản xuất sản phẩm sẽ được đánh giá, còn giá trị từ 12 tháng trở lên và được chứng nhận bởi tổ chức chứng nhận được VICB thừa nhận (xem F00-10-07) thì quá trình sản xuất của khách hàng có thể được thừa nhận nếu đáp ứng các điều kiện:

- Có bằng chứng cho thấy hệ thống quản lý được duy trì hiệu lực liên tục;
- Xem xét các NC, OB và hành động khắc phục, cải tiến được đưa ra trong cuộc đánh giá hệ thống trước đó (nếu có) để quyết định miễn hoàn toàn hay một phần hoạt động đánh giá quá trình sản xuất.

Trường hợp khách hàng có chứng chỉ của tổ chức không được VICB thừa nhận hoặc được thừa nhận nhưng thời gian còn hiệu lực ít hơn 12 tháng hoặc có bằng chứng về việc khách hàng không duy trì hiệu lực chứng chỉ hệ thống thì hoạt động đánh giá điều kiện đảm bảo chất lượng tương tự 8.3.2.1.a

Trong một số trường hợp tùy thuộc quy định của pháp luật hiện hành, nếu cơ sở sản xuất đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất còn hiệu lực thì không phải đánh giá quá trình sản xuất.

c. Trường hợp đánh giá chứng nhận sản phẩm kết hợp với đánh giá hệ thống quản lý:

Chuyên gia đánh giá tiến hành đánh giá hệ thống quản lý kết hợp với đánh giá chứng nhận sản phẩm.

Bất kể sự không đáp ứng một yêu cầu nào nêu trên đều bị coi là điểm không phù hợp. Chuyên gia đánh giá chỉ chấp nhận kết quả đánh giá quá trình sản xuất khi toàn bộ các điểm phát hiện trong quá trình đánh giá được kiểm soát và khắc phục.

- d.** Trường đoàn đánh giá lập và gửi báo cáo đánh giá cho Khách hàng qua LIMS. Báo cáo đánh giá nêu rõ các phát hiện đánh giá trong báo cáo chưa phải là kết quả cuối cùng; kết quả đánh giá sẽ được VinaCert thẩm tra. Sau đó Phòng Chứng nhận sẽ thông báo tới khách hàng kết quả đánh giá cuối cùng qua LIMS. Quyết định về lần đánh giá giám sát tiếp theo phụ thuộc vào kết quả đánh giá điều kiện đảm bảo chất lượng, trường đoàn đánh giá xác định thời điểm cho lần đánh giá giám sát gần nhất trong báo

b) Where customer have been management system certificated/ Certificated of production conditions:

- In case the customer already has a certified management system certificate with a scope corresponding to the product manufacturing sector, it will be evaluated, valid for 12 months or more and certified by an accredited certification body. VICB admits (see F00-10-07) that the customer's production process can be accepted if the following conditions are met:
- There is evidence that the management system is being maintained on an ongoing basis;
- Review NCs, OBs and CAR records given in the System audit reports (if have) to decided wether to completely or partially waive the production process audit.

Where the customer has had the organization's certificate that VICB is not recognized or is recognized but the valid less than 12 months or there is evidence that the client does not maintain the validity of the system certificate, the audit activities conditions to ensure quality similar 8.3.2.1.a of this document.

In some cases, subject to the provisions of current law, if a production facility that has been granted a valid Certificate of eligibility for production by a competent authority is not required to evaluate the production process.

c) Where the product audit combined with quality management system audit

Auditors assess the quality management system combined with product evaluation and certification.

Regardless of meet a requirement of the above points be considered non conformity. Auditors only accept result of production process audit when the whole finding point in the evaluation process be controlled and corrective.

- d)** Lead auditor make the audit report and sent to Client via LIMS. Audit report states that findings in the audit report are not final results; these findings will be reviewed by VinaCert. After being reviewed, CD will send to the client the finalized results via LIMS. Decision on surveillance audit next depending on the result of audit quality assurance condition, team lead determines the latest time surveillance audit in audit report. This time may differ from the initial certification program approved by CD.

cáo đánh giá. Thời điểm này có thể khác với chương trình chứng nhận ban đầu do Phòng Chứng nhận phê duyệt.	
8.3.2.2. Thử nghiệm mẫu điển hình	8.3.2.2 Testing the typical samples
a) Thử nghiệm tại chỗ: Các chỉ tiêu thử nghiệm tại chỗ được quy định trong các quy định riêng tương ứng. Cỡ mẫu được quy định trong các quy định riêng hoặc trong hướng dẫn đánh giá chứng nhận sản phẩm. Kết quả thử nghiệm tại chỗ đạt yêu cầu mới tiến hành lấy mẫu thử nghiệm tại phòng thử nghiệm. Trường hợp kết quả thử nghiệm tại chỗ lần thứ nhất không đạt, chuyên gia đánh giá tiến hành kiểm tra lại lần hai. Nếu lần hai không đạt thì dừng đánh giá. Ghi kết quả thử nghiệm tại chỗ trên LIMS. b) Thử nghiệm tại phòng thử nghiệm: Các chỉ tiêu thử nghiệm được quy định chi tiết trong từng quy định riêng. Đánh giá chứng nhận, giám sát lấy ít nhất 03 đơn vị mẫu/sản phẩm. Đối với sản phẩm không phải là thực phẩm, nông sản thì cỡ mẫu được quy định trong các quy định riêng. Đối với sản phẩm là thực phẩm và nông sản thì cỡ mẫu phải đảm bảo đủ để kiểm nghiệm vi sinh, hóa lý và các chỉ tiêu khác theo yêu cầu sau: - Mỗi đơn vị mẫu để phân tích vi sinh có khối lượng và cỡ mẫu đảm bảo đủ cho phân tích và lưu mẫu. Đơn vị mẫu để phân tích vi sinh không được trộn mẫu. Trường hợp sản phẩm được đóng gói sẵn thì mỗi đơn vị mẫu phân tích vi sinh là 1 đơn vị sản phẩm nhưng khối lượng mỗi mẫu không nhỏ hơn quy định trên. - Mỗi đơn vị mẫu để phân tích hóa học và các chỉ tiêu khác đảm bảo đủ cho phân tích và lưu mẫu. Đơn vị mẫu để phân tích các chỉ tiêu hóa lý và các chỉ tiêu khác là mẫu điển hình từ 5 vị trí khác nhau trong 1 lô hàng hoặc trên dây chuyền sản xuất. Vị trí lấy mẫu đôi khi được quy định cụ thể nhưng về nguyên tắc, lấy mẫu phải đảm bảo lấy được tại nơi sản xuất (trên dây chuyền sản xuất, trong kho) và ngoài thị trường. Chuyên gia đánh giá/nhân viên phòng chứng nhận lập biên bản giao mẫu. Trong đó phải nêu rõ các chỉ tiêu cần thử nghiệm và phương pháp thử được quy định trong các quy định riêng. Trường hợp trường đoàn đánh giá đồng ý để khách hàng vận chuyển mẫu đến phòng thử	a) Testing in place: The testing criteria in place are specified in separate regulations respectively. Sample sizes are specified in separate regulation or guidelines for assessment of product certification. Test results in place meet the requirements, after take sample to test in the laboratory. Where the test results in the first place are unacceptable, auditor conducted a second test. If not reached, stop audit. Record on-site test results on LIMS. b) Testing in the laboratory: The test criteria are specified detail in each separate regulation. Certification audits, surveillance audit taken at least 03 samples unit/product For products is not food, agricultural products, the sample sizes are specified in separate regulations. For products is food and agricultural products, the sample sizes to test microbiological, chemical and other criteria required follows: - Each sample unit for microbiological analysis has a sample volume and size that is sufficient for analysis and storage. Where prepackaged products, each samples unit for microbiological analysis is a product unit but not less than specified above. - Each samples unit for chemical analysis and other criteria that is sufficient for analysis and storage. Samples unit for chemical and physical analysis and other criteria are typical sample from five different locations in one shipment or on the production line. - The sampling sites are sometimes specified but in principle, sampling must be obtained at the production site (on production lines, in warehouses) and the market. The auditor or staf of certification department established samples handover record. In pacticular must specify the criteria to test and test menthods are specified in separate regulations. Where the audit team lead agreed to customer transpoting samples to the laboratory designated to test, the audit team lead assigned to customer 01 sample handover record. Sample must be sealed and coded. The laboratory must be in the list of

nhịệm được chuyên gia chỉ định để thử nghiệm thì trường đoàn đánh giá giao cho khách hàng 01 biên bản bàn giao mẫu, mẫu phải được niêm phong và mã hóa. Phòng thử nghiệm được gửi mẫu phải nằm trong danh sách phòng thử nghiệm được VICB phê duyệt. Các mẫu khác được chuyển về VICB. + Trong trường hợp có sự không phù hợp, đoàn đánh giá sẽ thông báo cho khách hàng trong cuộc họp kết thúc và yêu cầu khách hàng xác nhận và thực hiện các hành động khắc phục trong vòngngày và gửi hồ sơ hành động khắc phục về cho PCN để xác minh. Nếu cần thiết, VICB có thể tiến hành đánh giá bổ sung để xác minh các NC đã được khắc phục hoàn toàn. Khi đó, khách hàng chịu toàn bộ chi phí đánh giá bổ sung. Việc lập biên bản lấy mẫu, giao mẫu, thử nghiệm tại chỗ được thực hiện và lưu thông tin trên phần mềm LIMS.	laboratories approved by VICB. The other samples were transferred to VICB. + In case there is non-conformity (ies), the audit team will announce to the client onsite using the CAR form and ask for the client's confirmation by signing and stamping the form. The client will take appropriate corrective actions and send the corrective action record to CD for verification. Where necessary, VICB may need to conduct additional audit to confirm the corrective actions are taken to close the NCs. In such cases, the client bears all costs for the additional audit. Recording of sampling, sample delivery, on-site testing is done and information is saved on LIMS software.
8.3.3. Thăm tra hồ sơ	8.3.3. Examine of audit records
Phòng Chứng nhận chủ trì thăm tra hồ sơ đánh giá trên LIMS trước khi trình Giám đốc Chứng nhận cấp quyết định chứng nhận.	The Certification Department has responsibility for examine the evaluation records on LIMS before submitting them to the Certification Director for certification decision.
8.4 Quyết định chứng nhận	8.4 Certification Decision
8.4.1 Dựa trên kết quả thăm tra hồ sơ đánh giá trên LIMS theo F00-10-12 và kiến nghị của Phòng chứng nhận, Giám đốc chứng nhận ra quyết định + Cấp chứng chỉ cho khách hàng: Phòng Chứng nhận thông báo kết quả đánh giá cho khách hàng qua LIMS và dự thảo quyết định cấp chứng chỉ và chứng chỉ trên LIMS chuyển cho khách hàng xác nhận tính chính xác của nội dung chứng chỉ qua phần mềm/ email/ zalo. Sau khi khách hàng xác nhận nội dung chứng chỉ, Phòng Chứng nhận soạn thảo quyết định cấp chứng chỉ và chứng chỉ trên LIMS trình Giám đốc ký ban hành theo các biểu mẫu của quy định này. (xem thêm quy định về chứng nhận V01-02). <i>Khi cấp chứng chỉ hợp quy sản phẩm theo yêu cầu của TCVN, QCVN, các thông tư ban hành quy định kỹ thuật của các cơ quan nhà nước, ... cần nêu rõ sản phẩm được chứng nhận phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật của các chuẩn mực chứng nhận tương ứng.</i> Hiệu lực chứng chỉ là 3 năm cho 01 chu kỳ chứng nhận hoàn chỉnh. + Trong 01 chu kỳ chứng nhận 3 năm, khách hàng sẽ được cấp giấy chứng nhận trong lần chứng nhận đầu tiên. Các sản phẩm có cùng chuẩn mực được khách hàng đăng ký chứng nhận bổ sung/ đề nghị cấp đổi sau đó sẽ được thông báo	8.4.1 Based on results from record reviewing and recommendations of CD on LIMS according to F00-10-12, Certification Director will make the final decision using : + Certification is granted: Certification department shall inform assessment results to clients via LIMS and granting certificate draft and certificate on LIMS, delivered to the customer confirming the accuracy of the certificate content via software/email/zalo. After the contents of certification confirmed, PCN shall compose certificate decision and certificate on LIMS submit to the Certification Director for signing and issuing according to this regulation (refer to Regulations on Certification V01-02). <i>When issue products regulation Certificates under TCVN (standards requirements), QCVN (regulation requirements) and the Circulars issued according to technical regulations of state agencies so on... certificated products should be clearly specified in accordance with technical requirements of corresponding certification standards.</i> + The certificate is valid for 03 years for a completed cycle. + In a 3-year-certification circle of a client, VinaCert will issue certificate for only one time at the first certification. Additional/ changed products which are certificated the same standard after that will be

và cấp Quyết định chứng nhận bổ sung/ cấp đổi mà không cấp thêm Giấy chứng nhận. + Không cấp chứng chỉ cho khách hàng: PCN thông báo cho khách hàng về việc không cấp chứng chỉ và có nêu rõ lý do trong LIMS. + Kiến nghị khác: Giám đốc xem xét các kiến nghị của Phòng chứng nhận/chuyên gia và ra quyết định về các kiến nghị. PCN căn cứ quyết định của GĐCN và thông báo cho khách hàng qua LIMS. + VICB chỉ cấp chứng nhận khi: khách hàng đáp ứng toàn bộ các yêu cầu của tiêu chuẩn; thoả thuận chứng nhận đã được ký và hoàn thành; sau khi quyết định cấp hay thay đổi phạm vi chứng nhận đã được Giám đốc duyệt. 8.4.2 Chứng chỉ VICB cấp cho khách hàng bao gồm những thông tin sau: Tên và địa chỉ của tổ chức được chứng nhận; phạm vi chứng nhận được cấp (bao gồm sản phẩm được chứng nhận; các tiêu chuẩn/quy chuẩn chứng nhận sản phẩm hoặc các tài liệu khác; hệ thống chứng nhận thích hợp); ngày có hiệu lực và thời gian hiệu lực của chứng chỉ; các thông tin khác được yêu cầu theo tiêu chuẩn và/hoặc chương trình chứng nhận. 8.4.3 VICB lập 01 bộ hồ sơ chứng nhận gửi khách hàng gồm: 02 chứng chỉ bản gốc; 01 quyết định cấp chứng chỉ; 01 file hướng dẫn sử dụng dấu chứng nhận. Hướng dẫn sử dụng dấu chứng nhận được gửi qua email/LIMS cho KH và đóng dấu treo gửi kèm chứng chỉ/ giấy chứng nhận cho KH). Trước khi gửi hồ sơ chứng nhận cho Khách hàng, VinaCert scan Chứng chỉ, Quyết định chứng nhận lưu trong máy chủ/icloud của Phòng chứng nhận mà không phải lưu hồ sơ giấy. Nếu khách hàng yêu cầu VICB sẽ tổ chức trao chứng chỉ cho khách hàng.	issued additional/ changed certification decision, will not be issued any more certificate. + Certification is not granted: Certification department shall inform to clients of not granting certificate and specify reasons under on LIMS. + Other recommendations: Certification Director reviews recommendations from and reaches decisions. PCN shall rely on Certification Director's final decision to make known to clients via LIMS. + VICB will only issue certificate when: clients meet all requirements of the standard, certification agreement signed and completed by both parties; after granting the certificate decision or changing the certification scope that are decided by Certification Director. 8.4.2 Certificate issued by VICB contains the following content: Name and address of customer; scope of certification granted (including product the products certified, which may be identified by type, or range of products; the standards/technical regulation or other normative documents to which each product or product type is certified; the applicable certification system); the effective date of certification, and the term of the certification; other required information as required by the standard(s)/ technical regulation and/or the certification scheme. 8.4.3. VICB make documents of certification to the customer. Documents include: 02 original certificates, 01 Decision of issuance, 01 file regulation for using certification marks. Instructions for using the certification mark are emailed to the customer via email/LIMS and stamp attached to the certificate to the customer). Before sending the certification file to the Client, VinaCert scans the Certificate, the Certification Decision is stored in the server/icloud of the Certification Department without having to save the paper file. VICB will hold an award ceremony for the customer if the customer makes a request.
9. Duy trì hiệu lực chứng nhận 9.1 Giám sát định kỳ sản phẩm 9.1.1 Khách hàng được chứng nhận phải duy trì việc đảm bảo chất lượng sản phẩm và duy trì việc chứng nhận trong suốt thời gian hiệu lực của chứng chỉ; Trong trường hợp VICB phát hiện khách hàng không thoả mãn các yêu cầu chứng nhận một cách đáng kể, thông qua đánh giá giám sát hay hoạt động khác, VICB sẽ xác định mức độ ảnh hưởng của sự không thoả mãn đó và tiến hành các hành động phù hợp như đánh giá đột xuất, đình chỉ, thu hồi, huỷ chứng nhận. Trong trường hợp đó, các bước trong quá trình đánh giá, xem xét hồ sơ và ra quyết định chứng nhận được tiến	9. Maintenance of certification 9.1. Regular products surveillance audit 9.1.1 Clients are certified that must maintain product quality assurance and during the period of validity of the certificate; In case VICB detects a nonconformity with certification requirements is substantiated, either via a surveillance audit or other activities, VICB will determine the seriousness of the NC and take necessary actions such as unnoticed audit, suspend, withdraw, cancel the certification. When this happens, the steps for evaluation, review and certification decision are followed as regulated by VICB with consideration to the existing records on the client.

hành như quy định của VICB và có xem xét tới hồ sơ đánh giá đã lưu của khách hàng đó.

9.1.2 Trong thời gian hiệu lực của Giấy chứng nhận, VICB tiến hành đánh giá giám sát nhằm xác nhận việc duy trì chất lượng/an toàn sản phẩm của khách hàng. Việc đánh giá giám sát được tiến hành bao gồm đánh giá quá trình sản xuất cùng với việc lấy mẫu để đánh giá chất lượng/an toàn sản phẩm. Chi phí thử nghiệm do khách hàng chi trả. Tần suất giám sát phụ thuộc vào mức độ ảnh hưởng của sản phẩm tới người tiêu dùng, cộng đồng khi chất lượng không đảm bảo; quy mô sản xuất của khách hàng. Tần suất giám sát được thống nhất trong quá trình thương thảo hợp đồng chứng nhận sản phẩm, theo kết luận của LA trong cuộc đánh giá lần kế trước nhưng không quá 12 tháng/lần. Các yêu cầu giám sát được các bên liên quan trong quá trình chứng nhận thỏa thuận. VICB thông báo trên LIMS/email về các hoạt động giám sát của mình và định kỳ đánh giá các sản phẩm đã được chứng nhận để xác nhận rằng các sản phẩm đó tiếp tục phù hợp với các tiêu chuẩn/quy chuẩn.

9.1.3 Trong thời gian hiệu lực của chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn/quy chuẩn mà khách hàng được chứng nhận có những thay đổi lớn về: quyền sở hữu; địa điểm; cơ cấu tổ chức; đại diện lãnh đạo; mở rộng/thu hẹp nhà xưởng, Sản phẩm hoặc phạm vi sản xuất; số lượng nhân viên hữu dụng (trên 30 %); các nguồn lực có tác động quan trọng đến chất lượng sản phẩm và cập nhật tiêu chuẩn thì phải thông báo kịp thời bằng văn bản cho VICB để VICB tiến hành đánh giá mở rộng/ thu hẹp phạm vi chứng nhận. Tổ chức được chứng nhận không được phép lưu thông sản phẩm đã được chứng nhận nhưng đang được sản xuất với những thay đổi nói trên cho tới khi VICB có thông báo đã hoàn thành việc đánh giá mở rộng/ thu hẹp phạm vi chứng nhận. Tổ chức được chứng nhận phải chi trả các chi phí phát sinh.

9.1.4 Trong trường hợp khách hàng có thay đổi về địa điểm sản xuất sản phẩm, VICB sẽ tiến hành đánh giá tại địa điểm sản xuất mới và lấy mẫu đối với 100% sản phẩm. Hạn hiệu lực của giấy chứng nhận cấp đổi theo hạn hiệu lực của giấy chứng nhận đã cấp trong chu kỳ chứng nhận hiện tại.

9.1.5 Khi có sự thay đổi về tiêu chuẩn/quy chuẩn chứng nhận (tiêu chuẩn được chứng nhận đã lỗi thời), VICB phải tiến hành xem xét, đánh giá lại, cấp lại chứng chỉ, xác định lại thời gian giám sát.

9.1.6 Tùy mức độ thay đổi, VICB sẽ thỏa thuận với khách hàng về việc đánh giá giám sát bổ sung. Mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc đánh giá giám sát bổ sung sẽ do khách hàng chi trả.

9.1.2 The period of validity of the certificate, VICB conduct surveillance to confirm the maintenance of customer's product quality/safety. The surveillance was conducted including audit for production process with sampling to assess the product quality/safety. The clients paid testing costs for testing ified. Frequency of surveillance depends on the impact of the product quality to consumers; production scale of clients. Frequency of surveillance is agreed in product certification contract and as the conclusion of LA in the previous audit but not exceeding 12 months/time. Surveillance requirements are considered by the parties involved in the development of the scheme. VICB make announcements on LIMS/email its surveillance activities and periodically evaluate the certified products to confirm that they continue to conform to the standards/ technical regulation.

9.1.3 During the validity of certificate that clients are certified with the major change: property rights; located; organization; representative leadership; expand/collapse buildings; product and production scope; number of human resource (30%); resources have an important impact to product quality and updated standards must be notified ontime in writing to the VICB that VICB conduct the assessment expand/ collapse scope of certification. The auditee shall not release certified products resulting from such changes before the VICB has notified that the expand/ collapse scope of certification audit has been finished. Clients will pay all costs incurred related to addition surveillance.

9.1.4 When the client's manufacturing location changed, VICB shall make an full audit with new location(s) and sampling for 100% of products. Expiry date of the re- issued certificate is followed the validity of the certificate issued in the current certification cycle.

9.1.5 When there are change(s) from a certification standard/ technical regulation or certification scheme, VICB will review, re-audit, re-issue the certification and determine the new surveillance date.

9.1.6 Depending on the level of change, VICB will agree to the clients on additional surveillance. If such is the case, the auditee shall not release certified products resulting from such changes before the VICB has notified the auditee accordingly. Clients will paid all costs incurred related to addition surveillance.

All communication and notification with customers is done via LIMS/email.

Mọi trao đổi, thông báo với khách hàng được thực hiện qua LIMS/email.	
10. Đình chỉ/ thu hồi chứng chỉ	10 Suspension/ withdraw of certificate
10.1 Đình chỉ hiệu lực chứng nhận - Đình chỉ hiệu lực chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn/quy chuẩn là việc VICB ra quyết định đình chỉ có thời hạn việc sử dụng chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn/quy chuẩn đối với Khách hàng được chứng nhận. - Hiệu lực của chứng nhận bị đình chỉ trong các trường hợp: + Sản phẩm được chứng nhận của khách hàng không thỏa mãn một cách liên tục hoặc nghiêm trọng các yêu cầu chứng nhận, bao gồm cả các yêu cầu về hiệu lực của quá trình sản xuất. + Khách hàng được chứng nhận tự nguyện xin đình chỉ. + Khách hàng sử dụng Giấy chứng nhận, dấu chứng nhận và thông tin chứng nhận của VICB trái với quy định. + Khách hàng không bố trí cho đánh giá giám sát định kỳ/ đánh giá không báo trước như đã quy định. + Khách hàng không thực hiện khắc phục các điểm không phù hợp đã được phát hiện theo quy định + Khách hàng không trả đầy đủ phí chứng nhận theo thỏa thuận. - Trong thời hạn hiệu lực của chứng chỉ, nếu khách hàng vi phạm quy định tại mục 10.1 thì chứng chỉ bị đình chỉ hiệu lực trong thời gian tối đa 60 ngày cho đến khi VICB nhận được các hành động khắc phục phù hợp. Nếu trong thời hạn thực hiện hành động khắc phục mà khách hàng không có các hành động khắc phục phù hợp thì chứng chỉ sẽ bị thu hồi và hủy bỏ hiệu lực vĩnh viễn. Sau khi VICB đưa ra quyết định đình chỉ chứng nhận, PCN sẽ: - Cập nhật trạng thái của khách hàng lên Cơ sở dữ liệu phần mềm. - Yêu cầu chủ sở hữu chứng chỉ: • Thông báo toàn bộ thông tin về sản phẩm bị đình chỉ (nếu liên quan). • Gửi thông báo bằng văn bản hoặc thông báo công khai trên trang web vinacert.vn tới các khách hàng hiện tại và các bên liên quan về việc đình chỉ. • Lưu giữ hồ sơ thông báo tới khách hàng trên LIMS. • Không được tuyên bố trạng thái “được chứng nhận” kể từ ngày bị đình chỉ. Khi VICB đã xác nhận được rằng chủ sở hữu	10.1 Suspension of certification - Suspension of appropriate standard/ technical regulation certificate is VICB take suspension decision time limit using certificate for certified clients. Withdraw, cancel of appropriate standard certificate is VICB take withdraw decision of customer's certificate and invalidation of the certificate. Validity of certificate is suspended in the following cases: + the client's certified management system has persistently or seriously failed to meet certification requirements, including requirements for the effectiveness of the management system, + The certified client has voluntarily requested a suspension. + Customer uses the certificate or the certification mark and certification information of VICB incorrectly to the regulations specified. + Customers do not arrange periodic surveillance audit / unannounced audit as regulations. + Customer fails to implement corrective actions for non-conformities identified as regulations. + Customer does not make full payment for certification fees as per agreement. - During the validity period of the certificate, if the clients violate the provisions of Section 11.2, certificate may be suspended for the maximum of 60 days until VICB receives appropriate corrective actions. If the customer does not take appropriate corrective actions within the period of taking corrective actions, the standard certificate will be withdrawn and invalidated forever. After VICB issues a decision of suspension, PCN will: - Record the suspension on database software. - Instruct the certificate holder: • To advise all information of the suspended products (if relevant). • To advise existing and interested parties or make a public announcement on the website vinacert.vn of the suspension • To keep records of advice to clients on LIMS. • Not to make any claims of certification from the day of suspension. When the VICB has verified that certificate holder has addressed and resolved the causes for suspension, PCN will: - Reinstate the certification via LIMS; - Send the client via LIMS the notice that has following contents:

chứng chỉ đã giải quyết các nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ, VICB sẽ:

- Phục hồi chứng nhận qua LIMS;
- Có thông báo gửi khách hàng qua LIMS với các nội dung sau đây:
- Bảng chứng về việc mô tả các nguyên nhân của việc đình chỉ đã được giải quyết thỏa đáng như thế nào.
- Xác nhận việc phục hồi chứng nhận;
- Nếu chứng nhận được phục hồi, PCN sẽ:
- Lưu quyết định phục hồi chứng chỉ trên cơ sở dữ liệu phần mềm.
- Theo sát chương trình giám sát tăng cường trong thời gian tối thiểu là 1 năm sau khi phục hồi chứng chỉ.

Nếu không thực hiện việc xác nhận tính hiệu lực của các hành động khắc phục giải quyết nguyên nhân đình chỉ trong khung thời gian quy định, VICB sẽ thu hồi chứng chỉ.

Trong trường hợp phục hồi chứng chỉ đi kèm với thu hẹp chứng chỉ, VICB cũng sẽ thực hiện những thay đổi tương tự cần thiết để đảm bảo hệ thống tài liệu, các thông tin công khai, vv được cập nhật, tránh tình trạng phạm vi chứng nhận bị hiểu sai lệch.

10.2 Thu hồi/ hủy bỏ chứng nhận

- Hủy bỏ/thu hồi chứng nhận là việc VICB ra quyết định hủy bỏ/ thu hồi hồ sơ, thông tin chứng nhận đã cấp cho khách hàng và chấm dứt hiệu lực của chứng nhận.

- Việc hủy bỏ/ thu hồi chứng nhận được thực hiện trong các trường hợp sau:

- + Sản phẩm, quá trình sản xuất sản phẩm của khách hàng không đáp ứng/vi phạm nghiêm trọng các yêu cầu của tiêu chuẩn.
- + Sản phẩm, quá trình sản xuất của khách hàng không duy trì hiệu lực (không có hành động khắc phục (HĐKP) đúng thời hạn sau khi đã bị đình chỉ hiệu lực chứng chỉ);
- + Có khiếu nại nghiêm trọng từ cá nhân, tổ chức sử dụng sản phẩm/dịch vụ của khách hàng (không tuân thủ các yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền liên quan);
- + Quá thời hạn đình chỉ nhưng chưa hoàn thành các nội dung VICB yêu cầu khách hàng thực hiện để chấm dứt tình trạng đình chỉ.
- + Khách hàng tự nguyện xin hủy bỏ chứng nhận

10.3 Việc đình chỉ, thu hồi và phục hồi chứng nhận sẽ được thực hiện trên phần mềm LIMS và được VICB thông báo lên website: <http://www.vinacert.vn> để thông báo công khai cho các tổ chức/cá nhân có liên quan.

- Evidence that describes how the cause of suspension has been satisfactorily addressed.
- A statement confirming the reinstatement of the certification;
- If a suspended certification is reinstated, the VCB shall:
- Record the decision on the database software.
- Follow an enhanced surveillance programme for a minimum of one year after reinstatement.

If the verification of the effectiveness of the corrective actions to address the causes for suspension within the required timeframe cannot be concluded, VICB will withdraw the certificate.

Should a certificate be withdrawn VICB will record its decision on the database.

Similarly, when a decision of reducing the scope of certification is made as a condition of reinstatement, VICB shall make necessary changes to its documentation and public information (eg. On the website) in order to avoid misunderstandings of the scope of certification.

10.2 Cancellation/ withdrawal of certificate

- Cancellation/ withdrawal of certification means that VICB makes a decision on cancellation/ withdrawal of the certification and terminates validity of the certificate.

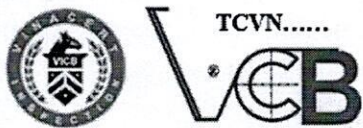
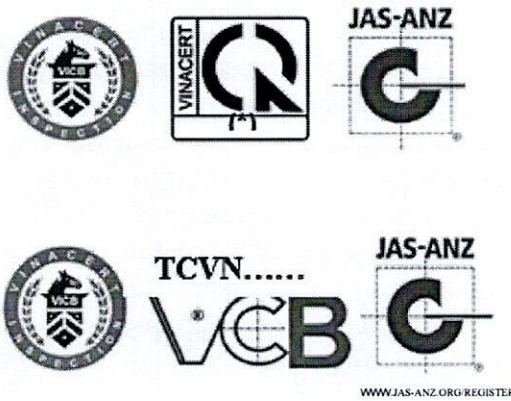
- Cancellation/ withdrawal of certification is done in the following cases:

- + Products, production process of the customer fails to meet/ serious violation the requirements of the standard(s);
- + Products, production process of the customer fails to maintain effectiveness (without any corrective actions on time after certificate suspended);
- + There is serious complaint from individuals or organizations using the customer's service/product (fails to comply with requirements of relevant competent authorizations)
- + Past the suspension period but has not completed the contents VICB requests customers to do to end the suspension.
- + The customer voluntarily requests to cancel the certification.

10.3 The suspension, withdrawal and reinstatement following suspension of certification is made via LIMS and that VICB will be announced on the website: <http://www.vinacert.vn> and public notify the related organizations/ individuals.

10.4 When the certification is suspended, withdrawn or expired, the customer must stop using advertising materials and others reference documents that contain

10.4 Khi bị đình chỉ, thu hồi hoặc hết hiệu lực của chứng nhận, khách hàng phải ngừng sử dụng tất cả các tài liệu quảng cáo và tài liệu viện dẫn có chứa tham chiếu tới chứng nhận và thực hiện các hành động phù hợp với chương trình chứng nhận và các hành động được yêu cầu khác.	reference to the certification and takes actions required by the certification scheme and other required actions.
11. Chứng nhận lại Trước khi hết hạn 3 năm hiệu lực của chứng nhận hiện thời, VICB tiến hành đánh giá lại như lần đầu và cấp chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn/quy chuẩn có hiệu lực 3 năm tiếp theo.	11. Re-certification Before the expiration of the certificate's validity of the current standard/ technical regulation, VICB will conduct re-audit as the first and certification appropriate standard/ technical regulation and have validity in next 3 years.
12. Sử dụng dấu chứng nhận của VICB - Tổ chức được chứng nhận sử dụng dấu chứng nhận hợp quy (CR) do VinaCert cấp với mỗi sản phẩm được chứng nhận. Hình dạng, kích thước của dấu hợp quy theo quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN. - Tổ chức chỉ được sử dụng dấu chứng nhận sản phẩm của VinaCert đối với sản phẩm đã được chứng nhận. - Không được tự chuyển nhượng dấu chứng nhận; - Trong trường hợp VinaCert được công nhận bởi tổ chức công nhận, nếu Khách hàng có thỏa thuận với VinaCert về việc sử dụng logo của VinaCert và tổ chức công nhận thì khách hàng được sử dụng dấu chứng nhận do VinaCert cấp gồm logo của VinaCert kèm theo logo của tổ chức công nhận cho VinaCert. Các logo công nhận sẽ được VinaCert công bố sau khi được công nhận. - Nếu khách hàng cung cấp bản copy của tài liệu chứng nhận cho các bên quan tâm, các tài liệu phải được tái bản toàn bộ hay như được yêu cầu bởi chương trình chứng nhận. - Khách hàng phải tuân thủ các yêu cầu của các chương trình chứng nhận về sử dụng dấu chứng nhận và thông tin liên quan tới sản phẩm được chứng nhận. Những tài liệu chứng nhận đã ban hành có viện dẫn đến Quy định về sử dụng dấu chứng nhận, công nhận (V01-09-Rev: 01; 09/2018) trước thời điểm Quy định chung về chứng nhận sản phẩm hợp chuẩn/ hợp quy (V01-03-Rev: 04; 10/2021) có hiệu lực thì vẫn có giá trị cho đến khi hết hiệu lực của giấy chứng nhận.	12. Using the certification mark of VICB - Certified organization shall use the VinaCert certification mark of technical regulation for each certified product. The shape and size of the technical-regulation conformity mark are specified in Circular No. 28/2012/TT-BKHCN. . - Certified organization only use the VinaCert's certification mark for the certificated product. - The certification mark cannot be transferred by yourself - In case that VinaCert is accredited by an Accreditation Body, if the Customer has an agreement with VinaCert on the use of VinaCert's logo and the accreditation body, the customer is entitled to use the certification mark issued by VinaCert including VinaCert's logo next the logo of the accreditation body for VinaCert. Accreditation logos will be published by VinaCert after being accredited. - If the customer provides the certification documents to interested parties, the documents must be reproduced in their entirety or as specified by the certification scheme. - Clients shall comply with requirements from certification scheme(s) on the use of certification mark and on information related to the certified product(s). Certification documents quote to the regulation for using certification marks, accredited marks (V01-09-Rev: 01; 09/2018) before the date of General Regulations on products certification (V01-03-Rev: 05; 10/2021) is valid until the certificate expires.
	Hướng dẫn chi tiết việc sử dụng dấu chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy theo quy định tại thông tư số 28/2012/TT-BKHCN/ Detailed instructions on the use of standard and regulation conformity certification marks according to the provisions of Circular No. 28/2012/TT-BKHCN Dấu chứng nhận hợp quy/ regulation conformity certification marks (F01-03-03A)

	Dấu chứng nhận hợp chuẩn/ standard conformity certification marks F01-03-03B.
	Chứng nhận hợp quy thực phẩm - Dấu chỉ định theo tỷ lệ rộng/dài = 2/6 với màu đen-trắng hoặc xanh lam; Chi tiết theo F01-03-03A. Sử dụng trên chứng chỉ chứng nhận hợp quy thực phẩm, phụ gia thực phẩm. Food regulation – compliance symbol - The symbol is used with the width/length ratio of 2/6 with black-white or green color; Detail follow as F01-03-03A. - Used on food regulation-compliance certificates for food, additives.
	Dấu chứng nhận sản phẩm theo thỏa thuận đối với các phạm vi được công nhận/ Certification marks for Products as per agreement for the scope of accreditation - Sử dụng dấu chứng nhận này theo tỷ lệ trên chứng chỉ Chứng nhận sản phẩm đối với các phạm vi được công nhận. Với chứng nhận hợp quy, bắt buộc sử dụng dấu hợp quy CR theo quy định của cơ quan quản lý, có thể sử dụng dấu công nhận kèm theo tùy thuộc phạm vi được công nhận và theo thỏa thuận với VinaCert. Chi tiết theo F01-03-03A. Với chứng nhận hợp chuẩn, sử dụng dấu hợp chuẩn riêng của VICB. Chi tiết theo F01-03-03B Use this mark in proportion to the Certificate of Conformity certificate for accredited scope. With the technical regulation conformity certification, it is mandatory to use the CR mark of conformity according to the regulations of the management agency, the accompanying accreditation mark can be used depending on the scope of accreditation and according to the agreement with VinaCert. Details according to F01-03-03A. With standard conformity certification, use VICB's own standard conformity mark. Details according to F01-03-03B.
13. Bồi thường trách nhiệm và khiếu nại 13.1 Nếu trong quá trình đánh giá chứng nhận, khách hàng được chứng nhận đưa ra bằng chứng về việc VICB gây ra thiệt hại cho khách hàng và đề nghị bồi thường, VICB sẽ xem xét bồi thường cho thiệt hại đó, giá trị bồi thường sẽ được VICB thỏa thuận chi tiết với khách hàng. Trong trường hợp hai bên không thỏa thuận được với nhau về giá trị bồi thường thì đưa ra trọng tài kinh tế giải quyết 13.2 Khách hàng có thể khiếu nại các hoạt động liên quan đến quá trình đánh giá, chứng nhận của	13. Responsibility compensation and complaints 13.1 If during the time of initial audit, certified customer gives evidence that VICB causes damage to the customer and make a request for compensation, VICB will consider compensation for such damages and makes agreement with the customer. In case that both parties fail to reach agreement on compensation value, it is required to give to economy arbitration to address for resolution. 13.2 Clients can make an appeal activities relating to audit process of VinaCert. VinaCert will consider and

VICB. VICB sẽ xem xét, giải quyết khiếu nại của Khách hàng. Nếu khách hàng không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của VICB thì khách hàng có quyền yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật. 13.3 Không bên nào phải chịu trách nhiệm bồi hoàn cho nhau nếu có những yếu tố khách quan xảy ra nằm ngoài tầm kiểm soát của hai bên nhưng phải thông báo cho nhau về các sự kiện này bằng fax, hay thư tín trong vòng 5 ngày kể từ ngày diễn ra.	resolve appeal of the customer. If the customer does not agree to decision on appeal resolution of VinaCert, the customer is entitled to request for resolution as regulated by the laws. 13.3 Neither party shall be responsible for making compensation in case that there are objective factors arising out of control of both parties but shall notify each other of these events by fax or mail within 5 days since the date of occurring.
14. Các khoản chi phí	14. Fees
13.1. Các khoản chi phí cho hoạt động đánh giá, chứng nhận sản phẩm được nêu trong Hợp đồng. Ngoài ra, khách hàng không phải trả bất kì khoản chi phí nào khác cho VICB trừ chi phí cho đánh giá bổ sung được quy định tại điểm 13.2 mục này. 14.2. Khi cần phải thẩm tra hành động khắc phục của khách hàng tại điểm được đánh giá, khi cần thực hiện một cuộc đánh giá bổ sung, đánh giá đột xuất, các chi phí phát sinh cho cuộc đánh giá do khách hàng chi trả cho VICB. 14.3 Khi đánh giá đột xuất, mở rộng, thu hẹp phạm vi chứng nhận, các chi phí phát sinh sẽ do khách hàng chi trả. 14.4 VICB phát hành hóa đơn tài chính cho toàn bộ chi phí đánh giá, chứng nhận của VICB. Nếu khách hàng không thanh toán trong khoảng thời gian thỏa thuận, Khách hàng phải chịu lãi suất theo nội dung nêu tại hợp đồng ký kết. 14.5 VICB ra quyết định đình chỉ chứng nhận đối với Khách hàng không thanh toán chi phí đánh giá, chứng nhận theo thỏa thuận hợp đồng. Việc khôi phục chứng nhận sẽ được thực hiện sau khi Khách hàng thanh toán chi phí đánh giá chứng nhận.	13.1 The expenses for product evaluation and certification activities are specified in the contract. Besides, Clients do not pay any other expenses for VICB except the cost for addition assessment specified in this Section 13.2. 14.2 When requiring to verify corrective actions of clients at the point audited, requiring to implement the continues audit, the unannounced audit, the clients shall pay all costs incurred for VICB. 14.3 When conducting unannounced audits, audits for expansion/reduction of certification scope, the customer shall pay all cost arisen. 14.4 VICB issues invoice for full cost of audit of VICB. If the customer does not pay within the agreed period, customers must bear interest according to the content stated in the signed contract. 14.5 VICB will decide certification suspension for clients who do not pay for certification cost according to the contract agreement. The recovery of certification will be made after clients pay certification assessment costs for VICB.

15. Hồ sơ/ Records:

TT/ No.	Hồ sơ/ Record	Mã số/ Code	Nơi lưu/ Retention place	Thời gian lưu/ Retention duration
1	Quyết định chứng nhận sản phẩm/ The certification decision for product(s)	F01-03-01A	PCN-LIMS	6 năm/ years Theo hạn sử dụng của lô SP nhập khẩu
2	Quyết định đình chỉ hiệu lực giấy chứng nhận sản phẩm/ The decision of suspension	F01-03-01B	PCN-LIMS	6 năm/ years Theo hạn sử dụng của lô SP nhập khẩu
3	Quyết định hủy bỏ hiệu lực giấy chứng nhận sản phẩm/ The decision of withdraw the certificate.	F01-03-01C	PCN-LIMS	6 năm/ years Theo hạn sử dụng của lô SP nhập khẩu
4	Giấy chứng nhận hợp chuẩn sản phẩm sản xuất trong nước/ Products standard certification Form	F01-03-02A	PCN-LIMS	6 năm/ years
5	Giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm sản xuất trong nước/ Products regulation	F01-03-02B	PCN-LIMS	6 năm/ years

	<i>certification Form</i>			
6	Giấy chứng nhận sản phẩm nhập khẩu/ <i>Imported products certification Form</i>	F01-03-02C	PCN-LIMS	Theo hạn sử dụng của lô SP nhập khẩu
7	Thông báo sử dụng dấu chứng nhận sản phẩm hợp quy/ <i>Notice for using regulation- compliance marks;</i>	F01-03-03A	PCN-LIMS	6 năm/ years
8	Thông báo sử dụng dấu chứng nhận sản phẩm hợp chuẩn/ <i>Notice for using standard- compliance marks;</i>	F01-03-03B	PCN-LIMS	6 năm/ years

---HẾT/ END---

